TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/KDTM-ST
Ngày: 30-7-2020
"V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Mý
2. Bà Nguyễn Thị Lan

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Thái Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà***: Bà Hoàng Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2019/TLST-KDTM ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-KDTM, ngày 02 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty V; địa chỉ: Tầng S, Tòa nhà B, đường T, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đỗ Phúc T, chức vụ: Trưởng Phòng bán hàng; địa chỉ: Tầng S, Tòa nhà B, đường T, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; Có mặt.

- *Bị đơn*: Công ty L; địa chỉ: Làng B, xã D, huyện G, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Bà Trần Thị Bảo L; địa chỉ: Làng B, xã D, huyện G, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn là Công ty V và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Căn cứ Hợp đồng mua bán hàng hóa số 295/HĐMB ngày 01-01-2017, Công ty V đã nhiều lần bán xi măng cho Công ty L với tổng giá trị là 415.919.954 đồng. Tính đến ngày 30-4-2019, Công ty L đã thanh toán được số tiền là 53.599.954 đồng, số tiền còn lại 362.320.000 đồng. Ngày 10-5-2019, hai bên đã lập biên bản đối chiếu công nợ và đến ngày 20-5-2019 tại biên bản làm việc Công ty L cam kết đến ngày 30-9-2019 sẽ thanh toán hết cho Công ty V số tiền nợ là 362.320.000 đồng. Tuy nhiên, đến nay

Công ty L không thanh toán số tiền còn nợ cho Công ty V.

Do vậy, Công ty V khởi kiện yêu cầu Công ty L phải thanh toán cho Công ty V số mua xi măng còn nợ là 362.320.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

2. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Toà án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho người đại diện theo pháp luật của bị đơn nhưng người đại diện theo pháp luật của bị đơn không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án, vì vậy không có lời khai và yêu cầu của bị đơn trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên toà.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ: Bản sao Điều lệ Công ty V; bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần; Quyết định số 784/QĐ-DXV ngày 24-4-2018 của Công ty V về việc bổ nhiệm ông Trần Văn Khôi giữ chức vụ Giám đốc Công ty V; bản gốc Giấy ủy quyền số 588/UQ-DXV ngày 02-10-2019 của Công ty V; bản sao Giấy chứng minh nhân dân của ông Trần Văn Khôi; bản sao Giấy chứng minh nhân dân của ông Đỗ Đức Thọ; bản sao Hợp đồng mua bán hàng hóa số 295/HĐMB ngày 01-01-2017; bản gốc Sổ chi tiết công nợ từ ngày 01-01-2016 đến ngày 31-12-2016; bản gốc Sổ chi tiết công nợ từ ngày 01-01-2017 đến ngày 31-12-2017; bản gốc Sổ chi tiết công nợ từ ngày 01-01-2018 đến ngày 01-10-2019; bản sao Biên bản làm việc ngày 20-5-2019 về việc cam kết thanh toán công nợ; bản sao Biên bản đối chiếu công nợ tháng 4-2019; bản sao Công văn số 175/DXV-TCKT ngày 12-3-2019 của Công ty V về việc đề nghị thanh toán nợ quá hạn; bản gốc yêu cầu bổ sung ý kiến ngày 20-12-2019; bản gốc Đơn khởi kiện bổ sung ngày 20-12-2019; bản gốc Thông báo về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính Công ty số 03/DXV-TCHC ngày 02-01-2020; bản gốc đơn yêu cầu Tòa án hỗ trợ việc gửi tài liệu, chứng cứ cho bị đơn; bản gốc đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải; Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được: Bản gốc Biên bản xác minh ngày 23-12-2019.

4. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa bảo đảm theo quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người đại diện theo pháp luật của bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 30, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết; Hợp đồng mua bán hàng hóa được giao kết giữa hai bên chủ thể đều có đăng ký kinh doanh nên được xác định là tranh chấp về kinh doanh thương mại; Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa bảo đảm theo quy định

tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự là do khách quan, các đương sự có địa chỉ tại các tỉnh khác nhau và Tòa án phải thực hiện thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng để thông báo cho bị đơn để giải quyết vụ án; Đối với người đại diện theo pháp luật của bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt theo giấy triệu tập nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hội đồng xét xử thấy rằng, tại Hợp đồng mua bán hàng hóa số 295/HĐMB ngày 01-01-2017 thể hiện giữa Công ty V là bên bán và Công ty L là bên mua có xác lập hợp đồng mua bán hàng hóa là xi măng nhãn hiệu Vicem PCB40. Tại sổ chi tiết công nợ, biên bản đối chiếu công nợ ngày 10-5-2019 và biên bản làm việc ngày 20-5-2019 đều thể hiện Công ty L còn nợ Công ty V số tiền mua xi măng là 362.320.000 đồng và Công ty L cam kết đến ngày 30-9-2019 sẽ thanh toán hết cho Công ty V. Tuy nhiên, đến nay không có chứng cứ nào thể hiện Công ty L đã thanh toán số tiền còn nợ nói trên cho Công ty V. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty V, buộc Công ty L phải thanh toán cho Công ty V số tiền mua xi măng còn nợ là 362.320.000 đồng. Đối với tiền lãi chậm trả Công ty V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, bị đơn là người có nghĩa vụ trả tiền nên phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 144, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 24, Điều 50, Điều 55 của Luật Thương mại.
- Áp dụng Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty V.

2. Buộc Công ty L phải thanh toán cho Công ty V số tiền mua xi măng còn nợ là 362.320.000 đồng (Ba trăm sáu mươi hai triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Buộc Công ty L phải chịu toàn bộ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 18.116.000 đồng (Mười tám triệu một trăm mười sáu nghìn đồng); Công ty V không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn trả lại cho Công ty V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.058.000 đồng (Chín triệu không trăm năm mươi tám nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005822 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên toà thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện G;
- Lưu HSVA, THADS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)

Lê Văn Đính

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Đính

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 08 giờ 30 phút, ngày 30 tháng 7 năm 2020.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai;

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mỹ và bà Nguyễn Thị Lan

Tiến hành nghị án vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số vụ án thụ lý số: 10/2019/TLST-KDTM ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa", giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty V; địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà DITP, Lô A2-19, đường Nguyễn Tất Thành nối dài, phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- *Bị đơn*: Công ty L; địa chỉ: Làng B, xã D, huyện G, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về pháp luật áp dụng:

- Áp dụng Điều 144, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 24, Điều 50, Điều 55 của Luật Thương mại.
- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

2. Về việc giải quyết vụ án:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty V.

2.2. Buộc Công ty L phải thanh toán cho Công ty V số tiền mua xi măng còn nợ là 362.320.000 đồng (Ba trăm hai mươi sáu triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.3. Buộc Công ty L phải chịu toàn bộ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 18.116.000 đồng (Mười tám triệu một trăm mười sáu nghìn đồng); Công ty V không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn trả lại cho Công ty V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.058.000 đồng (Chín triệu không trăm năm mươi tám

nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005822 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

Nghị án kết thúc vào hồi 08 giờ 40 phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Đính